

Hiền Đàm (2022). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tiếp cận từ lý thuyết đến thực tiễn của tỉnh Quảng Ninh. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 2(2022), 62-71

Đặc san Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển

© Học viện
Chính sách
và Phát triển, 2022
© CSR, 2022

Bài báo khoa học

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tiếp cận từ lý thuyết đến thực tiễn của tỉnh Quảng Ninh

Đàm Thị Hiền

Học viện Chính sách và Phát triển

Email: hiendt@apd.edu.vn

Tóm tắt:

PCI (Provincial Competitiveness Index) là chỉ số về chất lượng điều hành (governance index), đánh giá các lĩnh vực điều hành kinh tế thuộc thẩm quyền của chính quyền tỉnh, thành phố ở Việt Nam. PCI được xem là một công cụ chính sách hữu ích trong việc nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh của các địa phương. Theo thống kê của VCCI, hiện nay 63 tỉnh, thành phố sử dụng kết quả PCI để ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chương trình hành động (của Tỉnh ủy, UBND) nhằm cải thiện môi trường kinh doanh chất lượng điều hành kinh tế. Bài viết liên hệ thực tiễn trường hợp tỉnh Quảng Ninh, địa phương dẫn đầu cả nước về PCI trong 4 năm liên tiếp từ năm 2017-2020 và gợi ý cho các địa phương trong việc cải thiện chỉ số này.

Từ khóa: *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chất lượng điều hành kinh tế cấp tỉnh.*

Abstract: PCI (Provincial Competitiveness Index) is an index of governance quality (governance index) that assesses economic management fields under the jurisdiction of provincial and city governments in Vietnam. PCI is considered as a useful policy tool for improving the quality of the local business investment environment. According to VCCI statistics, there have been 63 provinces and cities using PCI results to issue resolutions, directives, decisions, and action plans (of the Provincial Party Committee, People's Committee) to improve the business environment and quality of economic management. The article relates to the practical case of Quang Ninh province - the leading one in PCI for four consecutive years from 2017 to 2020 and suggests to other provinces to improve this index.

Keywords: *Provincial Competitiveness Index, Quality of economic governance, Provincial level.*

Ngày nhận bài:
20 tháng 5, 2022
Bản sửa lần 1:
30 tháng 5, 2022
Ngày duyệt bài:
6 tháng 6, 2022

Mã số: ĐS070222

1. Đặt vấn đề

Thời gian qua, nước ta đã có những cải cách quan trọng nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và đã đạt được nhiều thành tựu, kinh tế tăng trưởng khá. Tuy nhiên, nền kinh tế còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém và phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức. Năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam được các tổ chức quốc tế đánh giá và xếp hạng ở mức thấp hơn so với nhiều nước trong khu vực. Theo đánh giá của PGS. TS. Ngô Doãn Vịnh - Nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và TS. Lâm Thùy Dương, Học viện Chính sách và Phát triển, “Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam đang ở mức trung bình, chưa thật đảm bảo cho tăng năng suất lao động quốc gia như mong muốn. Năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 7,3% năng suất lao động của Singapore; 19% của Malaysia, 37% của Thái Lan, 44,8% của Indonesia và bằng 55,9% của Philippines”¹

Để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014 “Về những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia” và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 “Về những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022”. Trong đó, các địa phương, theo chức năng nhiệm vụ được giao phải khẩn trương xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch hành động cụ thể về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

Nhận thức được sự đóng góp quan trọng của việc nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh

cấp tỉnh để thực hiện hóa mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương, góp phần cải thiện cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tác giả tiếp cận và tập trung nghiên cứu cơ sở lý thuyết về Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để khái quát hóa bản chất, đặc trưng của Chỉ số PCI, đặc biệt là tác động của Chỉ số PCI với Chính quyền địa phương trong điều hành kinh tế. Bên cạnh đó, tác giả tiếp cận thực tiễn trường hợp tỉnh Quảng Ninh, một trong những địa phương luôn bám sát các chỉ đạo của Trung ương, đặc biệt là các nghị quyết của Chính phủ, như: Nghị quyết 19/NQ-CP, Nghị quyết 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Sự thành công của tỉnh Quảng Ninh về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương, với vị thế địa phương dẫn đầu cả nước về Chỉ số PCI giai đoạn 2017-2020 sẽ là bài học kinh nghiệm cho các địa phương trong cả nước tham khảo.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp, thống kê mô tả, phân tích trên cơ sở của phương pháp duy vật biện chứng. Dữ liệu thứ cấp được tác giả tổng hợp từ các báo cáo chính thức, có trích nguồn rõ ràng đảm bảo tính minh bạch và tin cậy của thông tin. Bài viết cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp về tỉnh Quảng Ninh trong việc nâng cao chất lượng điều hành kinh tế cấp tỉnh.

1 PGS.TS. Ngô Doãn Vịnh, TS. Lâm Thùy Dương - Nâng cao năng suất lao động của Việt Nam: Nhận diện vấn đề mang tính quyết định để thịnh vượng nước nhà. Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển, Tháng 01/2022

3. Khái quát về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - PCI (*Provincial Competitiveness Index*)

3.1. Chỉ số PCI là gì?

Chỉ số PCI là tên viết tắt của Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (*Provincial Competitiveness Index*) - chỉ số đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền các tỉnh, thành phố tại Việt Nam, qua đó thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tư nhân. [2]

3.2. Đặc trưng của chỉ số PCI

Chỉ số PCI gồm 10 chỉ số thành phần:

(1). Chi phí gia nhập thị trường: Chỉ số này được xây dựng nhằm đánh giá sự khác biệt về chi phí gia nhập thị trường của các doanh nghiệp mới thành lập giữa các tỉnh với nhau thông qua các chỉ tiêu cụ thể như: số ngày đăng ký doanh nghiệp, số ngày thay đổi đăng ký doanh nghiệp, thời gian chờ đợi để hoàn tất thủ tục để được chính thức hoạt động... Bên cạnh đó các chỉ tiêu thuộc về trách nhiệm công vụ của cán bộ công chức như: sự nhiệt tình, thân thiện hay am hiểu chuyên môn cũng được tổng hợp để phản ánh, đánh giá chỉ số gia nhập thị trường của địa phương. Các địa phương có chi phí gia nhập thị trường thấp hơn là những địa phương mang đến thuận lợi cho các nhà đầu tư, thành phần kinh tế tham gia vào thị trường.

(2). Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất: Chỉ số này được đánh giá qua các chỉ tiêu cụ thể: tỉ lệ doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất GCNQSDĐ), thời gian chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ, rủi ro bị thu hồi đất, khó khăn về thiếu quỹ đất sạch, mức và thời gian được bồi thường khi bị thu hồi đất, không có GCNQSDĐ do lo ngại thủ tục hành chính rườm rà/ cán bộ những nhiều. Chỉ số

này tập trung vào hai khía cạnh mà doanh nghiệp phải đối mặt trong thời gian qua ở nhiều địa phương, đó là việc tiếp cận đất đai có dễ dàng không và doanh nghiệp có thấy yên tâm và được đảm bảo về sự ổn định khi có được mặt bằng kinh doanh hay không. Những địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho DN tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định trên cơ sở tuân thủ pháp luật sẽ thúc đẩy được các doanh nghiệp tham gia vào thị trường nhiều hơn.

(3). Tính minh bạch và tiếp cận thông tin: Chỉ số này đo lường khả năng tiếp cận các kế hoạch của tỉnh và các văn bản pháp lý cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh việc đánh giá mức độ công bằng trong việc DN được tiếp cận các văn bản pháp lý mà Chính quyền địa phương đã ban hành thì chỉ số này đo lường cả mức độ được tham khảo, tham gia ý kiến của cộng đồng DN với những chính sách và những quy định mới của địa phương.

(4). Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước: Chỉ số này được thực hiện thông qua việc đánh giá các chỉ tiêu thành phần như: tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện quy định pháp luật, thủ tục giấy tờ đơn giản, phí, lệ phí được niêm yết công khai, cán bộ công chức thân thiện, giải quyết công việc hiệu quả, thời gian làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế nhiều hay ít, thời gian thực hiện thủ tục hành chính có được rút ngắn hơn so với quy định hay không... Những địa phương có thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng, không chông chéo, không lạm dụng quyền lực trong thực thi công vụ mới giúp doanh nghiệp có điều kiện để hoạt động kinh doanh hiệu quả nhất.

(5). Chi phí không chính thức (CPKCT): Đo lường các khoản CPKCT mà DN phải trả và các trở ngại do những CPKCT này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của DN.

Các chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá, đo lường CPKCT bao gồm: tình trạng những nhiều khi giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho DN là phổ biến, tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh tra, kiểm tra và chi trả để đảm bảo trúng thầu hay thực hiện TTHC đất đai...

(6). Cạnh tranh bình đẳng: Chỉ số này đánh giá sự công bằng, minh bạch về môi trường cạnh tranh giữa các DN Nhà nước, DN dân doanh và DN có vốn đầu tư nước ngoài, cụ thể là sự tiếp cận của các DN đối với các nguồn lực cho phát triển như đất đai, tín dụng, tài nguyên và ưu tiên trong đầu tư cũng như sự thuận lợi trong thực hiện các TTHC...

(7). Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh: Chỉ số này đánh giá Chính quyền tỉnh có năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp hay không vận dụng pháp luật linh hoạt nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho kinh tế tư nhân, tỉ lệ tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, khó khăn của DN qua đối thoại...

(8). Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: Chỉ số này dùng để đo lường các dịch vụ của tỉnh như xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin tư vấn luật cho DN, hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, phát triển các khu/cụm công nghiệp tại địa phương và cung cấp các dịch vụ công nghệ cho doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh. (chỉ số này trước đây là Chính sách phát triển kinh tế tư nhân).

(9). Đào tạo lao động: Chỉ số đào tạo lao động được sử dụng để đo lường các nỗ lực của lãnh đạo tỉnh trong việc thúc đẩy đào tạo nghề và phát triển kỹ năng nhằm thúc đẩy các ngành công nghiệp tại địa phương đồng thời giúp người lao động có công việc ổn định. Chất lượng đào tạo lao động chính là tiền đề để nâng cao năng suất lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn

tỉnh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế của địa phương.

(10). Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự: Chỉ số này được sử dụng để lường lòng tin của DN tư nhân đối với hệ thống tòa án, tư pháp của tỉnh, liệu các thiết chế pháp lý này có được doanh nghiệp xem là công cụ hiệu quả để giải quyết tranh chấp hoặc là nơi doanh nghiệp có thể khiếu nại các hành vi những nhiều của cán bộ công quyền tại địa phương.

3.3. Cách tiếp cận PCI của Việt Nam

Chỉ số PCI do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Chỉ số PCI do một nhóm chuyên gia trong và ngoài nước của VCCI cùng hợp tác thực hiện.

Theo nghiên cứu của Nhóm chuyên gia của VCCI, Chỉ số PCI có cách tiếp cận xuất phát từ chính thực tiễn của Việt Nam và thiết kế theo hướng các tỉnh, thành phố có thể dễ dàng áp dụng các biện pháp cải cách trong điều hành kinh tế. Cụ thể như sau:

Thứ nhất: bằng cách loại trừ ảnh hưởng của các điều kiện truyền thống ban đầu tới sự tăng trưởng kinh tế của một tỉnh (những điều kiện này là các yếu tố căn bản cần thiết cho sự tăng trưởng nhưng rất khó trong thời gian ngắn hoặc thậm chí không thể thay đổi như vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, quy mô của thị trường và nguồn nhân lực), kết quả nghiên cứu của chỉ số PCI cho thấy thực tiễn điều hành kinh tế tốt ở cấp tỉnh có vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng. Những thực tiễn này còn góp phần tìm hiểu và lý giải vì sao một số tỉnh, thành vượt lên các tỉnh, thành khác về phát triển kinh tế tư nhân, tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế, dù đang cùng thực hiện một khung khổ pháp luật chung thống nhất. Áp dụng các thực tiễn điều hành tốt sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở tỉnh đó, thậm chí

không đòi hỏi phải có sự thay đổi lớn về cơ sở hạ tầng hay con người.

Thứ hai: bằng cách chuẩn hóa điểm số từ các thực tiễn tốt đã có ở Việt Nam, chỉ số PCI khuyến khích chính quyền các tỉnh cải thiện chất lượng công tác điều hành trên cơ sở các thực tiễn điều hành kinh tế tốt sẵn có tại Việt Nam (những thành công trên thực tế từ những tỉnh thành cụ thể). Do đó đối với từng chỉ tiêu, có thể xác định được một tỉnh “ngôi sao” hoặc tỉnh đứng đầu của chỉ tiêu đó; và như vậy bất kỳ tỉnh nào cũng có thể đạt được điểm số PCI tuyệt đối là 100 điểm bằng cách áp dụng các thực tiễn tốt sẵn có ngay tại Việt Nam.

Thứ ba: bằng cách so sánh đối chiếu giữa các thực tiễn điều hành với kết quả phát triển kinh tế, chỉ số PCI giúp lượng hóa tầm quan trọng của các thực tiễn điều hành kinh tế tốt đối với thu hút đầu tư và tăng trưởng. Nghiên cứu chỉ ra được mối tương quan thuận giữa thực tiễn điều hành kinh tế tốt với đánh giá của doanh nghiệp, và sự cải thiện kinh tế-xã hội của địa phương. Nói cách khác, việc chính quyền triển khai các chính sách và sáng kiến thân thiện với doanh nghiệp và nhà đầu tư sẽ khuyến khích họ hoạt động theo hướng đem lại lợi ích cho cả chủ doanh nghiệp, người lao động và cộng đồng thông qua tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho cả nền kinh tế.

Thứ tư: các chỉ tiêu cấu thành chỉ số PCI được thiết kế theo hướng dễ hành động, đây là những chỉ tiêu cụ thể cho phép các cán bộ công chức của tỉnh đưa ra các mục tiêu phấn đấu và theo dõi được tiến bộ trong thực hiện. Các chỉ tiêu này hướng tới những hành động thực chất vì được chính cộng đồng doanh nghiệp nhìn nhận là có ý nghĩa then chốt đối với sự thành công của công việc kinh doanh.

Thứ năm: PCI cung cấp một công cụ theo dõi, đánh giá hữu ích đối với những nỗ lực cải cách tại các tỉnh thành phố. Các dữ liệu

về nỗ lực cải cách điều hành kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh được công bố thường niên, có tính hệ thống, có thể so sánh được. Những dữ liệu này cung cấp thông tin giúp trước hết là các lãnh đạo chính quyền tỉnh/thành phố tại Việt Nam theo dõi và đánh giá được hiệu quả thực thi các chính sách, quy định đang được triển khai tại địa phương, cũng như các nhà đầu tư, doanh nghiệp có thể tham khảo trong quá trình ra quyết định đầu tư, kinh doanh của mình tại một địa phương nhất định.

3.4. Tác động của PCI tới Chính quyền địa phương

Chỉ số PCI là một công cụ hữu ích để lãnh đạo các tỉnh cải cách, nâng cao chất lượng điều hành kinh tế, nhằm tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi tại địa phương. Chuyên gia kinh tế cao cấp Phạm Chi Lan đã khẳng định tác động của PCI như sau: “Qua thời gian, PCI đã trở thành một công cụ quan trọng giúp chính quyền các địa phương nhìn nhận rõ hơn các vấn đề trong điều hành hoạt động kinh tế của mình và định hướng điều chỉnh để cải thiện năng lực điều hành, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Với doanh nghiệp, PCI là công cụ quan trọng nhất để họ nói lên tiếng nói và yêu cầu của mình đối với chính quyền. Với nhà nước, đây là thước đo cho thấy những khoảng cách phải lấp trong chính sách giữa thiết kế và thi hành, giữa tập trung và phân quyền, giữa ý tưởng chính sách và đòi hỏi của cuộc sống, của doanh nghiệp và người dân - đối tượng quan trọng nhất mà mọi chính sách phải phục vụ”. Bà Victoria Kwakwa Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam cũng khẳng định: “Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh PCI là dấu mốc quan trọng trong công tác cải thiện môi trường kinh doanh trong cả nước của VCCI... Công tác này được các nhà tài trợ đánh giá rất cao. Qua đó đã tăng cường minh bạch về năng lực cạnh tranh,

buộc các địa phương phải tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và bình đẳng hơn nữa thì mới có thể thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài”.

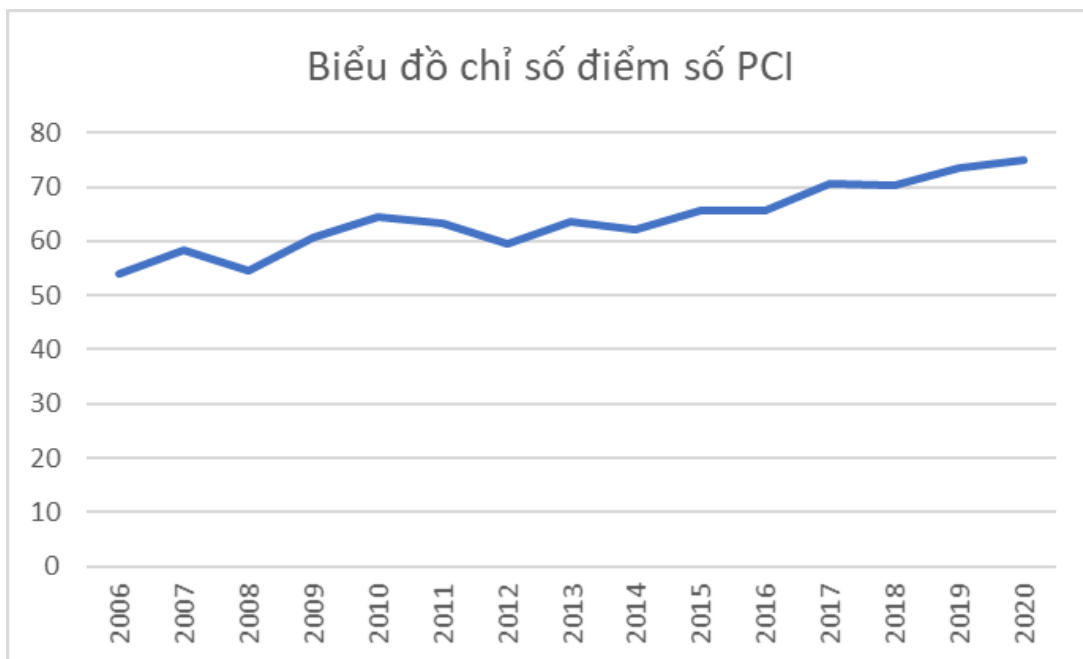
Như vậy, có thể thấy qua quá trình nghiên cứu và ứng dụng Chỉ số PCI để đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế của các địa phương trong cả nước, những tác động lớn lần lượt được khẳng định là: (1) Thay đổi tư duy điều hành; (2) Tạo công cụ giám sát hiệu quả; (3) Là động lực cho sự thay đổi; (4) Thúc đẩy hợp tác và chia sẻ; (5) Góp phần tạo dựng hình ảnh và uy tín cho các địa phương.

4. Thực tiễn cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh là tỉnh ven biển thuộc vùng Đông Bắc Bộ Việt Nam. Theo quy hoạch phát triển kinh tế, Quảng Ninh vừa thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía bắc vừa thuộc Vùng duyên hải Bắc Bộ, Những năm qua, tốc độ phát triển ở các đô thị của Quảng Ninh có sự bứt phá nhanh chóng, đặc biệt là ở các đô thị lớn, Quảng Ninh trở thành một trong

những tỉnh tiêu biểu, đi đầu cả nước trên nhiều lĩnh vực, trở thành một điểm sáng về đổi mới của vùng đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng ở khu vực phía bắc.

Từ một địa phương có chỉ số PCI thấp (54,05 điểm) vào thời kỳ đầu đánh giá PCI trên phạm vi cả nước, Quảng Ninh xếp hạng 27/63 tỉnh, thành trong cả nước năm 2006, với các chỉ tiêu thành phần thấp điểm như thiết chế pháp lý, đào tạo lao động, tính minh bạch nhưng chi phí thời gian khá cao, sau 11 năm bứt phá liên tục, đến năm 2017 Quảng Ninh đứng trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Từ năm 2017 đến nay, Quảng Ninh đã vượt qua những đối thủ như: Đà Nẵng, Bình Dương, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh..., vươn lên vị trí quán quân PCI 4 năm liên tiếp. Riêng năm 2020, là địa phương duy nhất đạt thang điểm trên 75. Đây cũng là điểm số cao nhất từ trước tới nay của Quảng Ninh và cũng là tỉnh ghi dấu ấn 8 năm liên tiếp nằm trong nhóm 5 tỉnh, thành phố Trung ương có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất cả nước.



Biểu 1: Chỉ số PCI của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2006 - 2020

Nguồn: Tác giả xử lý theo số liệu của VCCI [2]

Chỉ số PCI của tỉnh thời gian qua đã khẳng định về niềm tin của nhân dân với chính quyền và đặc biệt là sự đánh giá hài lòng ngày càng cao của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư. Điều này cũng phản ánh chính xác, khách quan hiệu quả điều hành, quản lý Nhà nước của Quảng Ninh.

Không chỉ là địa phương dẫn đầu cả nước về Chỉ số PCI, Chỉ số này góp phần tích cực trong cải thiện phát triển kinh tế - xã hội. Quảng Ninh là tỉnh có 6 năm liên

tiếp tăng trưởng GRDP trên hai con số, tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức cao so với bình quân chung của cả nước, bình quân 5 năm (2016-2020) tăng 10,7%. Năm 2020, GRDP bình quân đầu người năm đạt trên 6.700 USD, gấp hơn 2 lần bình quân chung cả nước. Năng suất lao động xã hội bình quân tăng 12,1%/năm; năm 2020 đạt 292,9 triệu đồng/người, tăng gấp 1,77 lần so với năm 2015. Hiện nay Quảng Ninh là một trong năm địa phương có tỷ lệ đô thị hóa cao nhất cả nước, đạt 65,5%. [1]

Bảng 1: Bảng xếp hạng Top 10 chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2020

Tỉnh	Điểm số PCI	Xếp hạng	Nhóm xếp hạng
Quảng Ninh	75.09	1	Rất tốt
Đồng Tháp	72.81	2	Rất tốt
Long An	70.37	3	Rất tốt
Bình Dương	70.16	4	Rất tốt
Đà Nẵng	70.12	5	Rất tốt
Vĩnh Long	69.34	6	Tốt
Hải Phòng	69.27	7	Tốt
Bến Tre	69.08	8	Tốt
Hà Nội	66.93	9	Tốt
Bắc Ninh	66.74	10	Tốt

Nguồn: VCCI

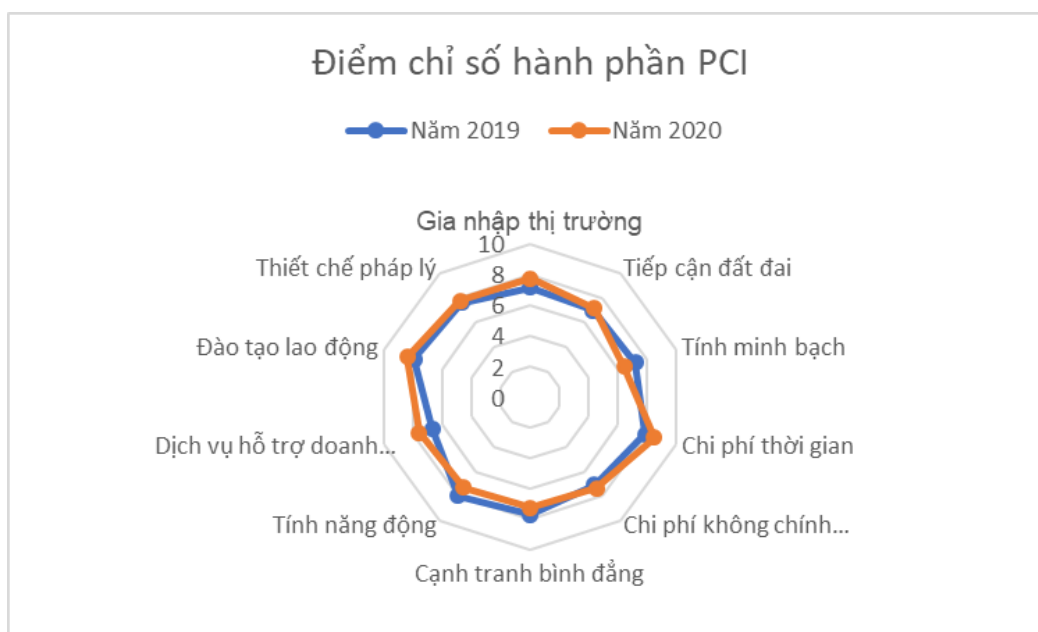
Những nỗ lực của Chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân tỉnh Quảng Ninh trong việc cải thiện Chỉ số PCI.

(1) Chủ động, quyết liệt và đổi mới trong công tác chỉ đạo điều hành

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP, ngày 18/3/2014 về “*Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*”, tỉnh Quảng Ninh đã chủ động, quyết liệt và đổi mới công tác chỉ đạo điều hành, từ đó tạo sự vào cuộc đồng bộ từ các cấp, các ngành và cả hệ thống

chính trị trong nỗ lực cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh hướng tới cải thiện, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp là một trong những nội dung ưu tiên được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh chú trọng đưa vào Nghị quyết, Kế hoạch, Chương trình hành động để làm thước đo sự năng động của Chính quyền tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản trị địa phương và phục vụ nền hành chính hiệu lực, hiệu quả.



Biểu 2. Điểm số Chỉ số thành phần PCI của tỉnh Quảng Ninh năm 2019, 2020

Nguồn: Tác giả xử lý theo số liệu của VCCI [2]

Với sự nỗ lực trong đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, có thể thấy tỉnh Quảng Ninh đã trở thành một trong những địa phương đứng đầu cả nước về việc vận dụng pháp luật linh hoạt, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho kinh tế tư nhân, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho DN. Một trong những kết quả từ việc quyết liệt đổi mới trong công tác điều hành, đó là dù thế giới và cả nước 2 năm đương đầu với đại dịch Covid-19, thu hút FDI tại Quảng Ninh vẫn đạt được sự tăng trưởng đáng khích lệ. Theo đó, năm 2020, tỉnh thực hiện cấp mới, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 45 dự án có vốn đầu tư trong nước và nước ngoài, tổng mức đầu tư đăng ký 24.109 tỷ đồng, tăng 55,5% so với năm 2019. Trong đó có 28 dự án FDI, vốn đăng ký 526,2 triệu USD, tăng 84,5% so với năm 2019. Ngoài ra, các chỉ số cải thiện PCI của tỉnh như: Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; Đào tạo lao động; Tính minh bạch và tiếp cận thông tin...

(2) Triển khai hiệu quả ba đột phá chiến lược

Nền tảng tạo điều kiện thúc đẩy sự gia tăng điểm số các chỉ tiêu thành phần của Chỉ số PCI của tỉnh cần được ghi nhận đó là sự đột phá trong CCHC, đột phá theo hướng đồng bộ, hiện đại hạ tầng kinh tế và lấy chuyển đổi số trong cải thiện môi trường đầu tư.

Thứ nhất, Phát triển đột phá theo hướng đồng bộ, hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, dịch vụ, du lịch, văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục... hiện đại. Tỉnh Quảng Ninh tiếp tục đi đầu thực hiện thành công phương thức huy động nguồn lực đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), với phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”; huy động được nguồn lực lớn từ các thành phần kinh tế, trở thành giải pháp đột phá để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Là địa phương duy nhất trong cả nước huy động tư nhân đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, Cảng tàu khách quốc tế Hòn Gai, đường cao tốc thúc đẩy liên kết vùng và hợp tác quốc tế. Chủ động, hỗ trợ, phối hợp với các tỉnh, thành phố giáp ranh

xây dựng, nâng cấp hạ tầng giao thông động lực, thúc đẩy liên kết vùng.

Thứ hai, Cải cách hành chính có bước đột phá, phát huy hiệu quả:

Nhận thức được tầm quan trọng của cải cách nền hành chính theo hướng năng động và hiệu lực, hiệu quả, Tỉnh chỉ đạo rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa, công khai, minh bạch thủ tục hành chính, giảm 40 - 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định. Đến nay, gần 100% TTHC thuộc thẩm quyền của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được thực hiện theo nguyên tắc “4 tại chỗ”; 22 sở, ngành, đơn vị trực thuộc sử dụng con dấu thứ 2 tại trung tâm để giải quyết TTHC theo nguyên tắc “5 tại chỗ” “tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu và trả kết quả”; trên 70% người dân, doanh nghiệp trong tỉnh sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử; 100% TTHC từ cấp tỉnh đến cấp xã được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO và được thiết lập vào Hệ thống phần mềm một cửa liên thông để thực hiện, theo dõi, giám sát quá trình giải quyết TTHC trong phạm vi toàn tỉnh...

Thứ ba, Xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trong công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tạo sự minh bạch, thuận lợi trong phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đối với các TTHC cấp tỉnh thực hiện tại Trung tâm PVHCC tỉnh, hiện nay đã cung cấp được 1.712/1.831 TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, trong đó có 1.387 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (đạt 75%), tương ứng với 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; cung cấp 1.180 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia (đạt tỷ lệ 75%). Số lượng nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 qua cổng dịch vụ công Quốc gia và cổng dịch vụ công của tỉnh là 253.783 hồ sơ, đạt tỷ lệ 43,8%.

Bên cạnh ba đột phá chiến lược, Tỉnh đã chú trọng xây dựng đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Quy mô nguồn nhân lực năm 2020 khoảng 722.000 người. Chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ 45,5%, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

(3) Nâng cao tính minh bạch

Quảng Ninh là một trong những địa phương tiên phong trong cả nước thuê các tư vấn hàng đầu quốc tế lập đồng bộ 07 quy hoạch chiến lược (Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh; sử dụng đất; môi trường; Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực; du lịch; khoa học công nghệ) với tầm nhìn dài hạn, khoa học, có chất lượng càng làm tăng giá trị tài sản vô hình và hữu hình của địa phương, tạo cơ hội lớn gia tăng giá trị với các nguồn lực tài chính, tài sản của nhà đầu tư...

Tỉnh cũng chủ động xây dựng văn hóa đồng hành cùng nhà đầu tư, doanh nghiệp, tạo không gian mở, thân thiện; nâng cao hiệu quả tương tác giữa chính quyền và người dân, nhà đầu tư, doanh nghiệp. Thực tế, Quảng Ninh là một trong những địa phương tiên phong, mạnh dạn trao quyền cho cộng đồng nhà đầu tư, doanh nghiệp “đo lường” chính bộ máy chính quyền điều hành cấp cơ sở (gọi tắt là DDCI Quảng Ninh) thông qua “lá phiếu” điều tra, từ đó tạo được sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính quyền và cộng đồng nhà đầu tư, doanh nghiệp trong tham gia ý kiến, đánh giá và tiếp thu, điều chỉnh nhằm tiếp tục cải thiện, nâng cao chất lượng điều hành, ngày càng sát hơn với nhu cầu thực tiễn của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

Hoạt động xúc tiến đầu tư “tại chỗ” được các cấp, các ngành tập trung triển khai hiệu quả thông qua đẩy mạnh hỗ trợ các dự án

đầu tư đang triển khai tại tỉnh: Thường xuyên duy trì kết nối, trao đổi thông tin để kịp thời nắm bắt, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhất là nâng cao hiệu quả các mô hình tổ công tác hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp như: Thành lập Tổ Công tác Hỗ trợ dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (gọi tắt là Tổ Investor Care) để nắm bắt khó khăn, vướng mắc nhằm tháo gỡ thủ tục về đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng..., hỗ trợ, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng của tỉnh; Tổ công tác đặc biệt của Ủy ban nhân dân tỉnh về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19... sẵn sàng gặp gỡ, lắng nghe doanh nghiệp, nhà đầu tư theo phương thức 24/7.

5. Một số khuyến nghị nâng cao chỉ số PCI cho các tỉnh/ thành ở Việt Nam

Từ kinh nghiệm của các tỉnh Quảng Ninh và nhóm có Chỉ số PCI đứng đầu cả nước, các tỉnh, thành phố có thể cải thiện Chỉ số PCI, nâng cao chất lượng, hiệu quả điều hành kinh tế dựa vào nguồn lực sẵn có kết hợp với nguồn lực bên ngoài trên cơ sở vận dụng những đề xuất của nhóm chuyên gia VCCI & USAID, cụ thể: [2]

(1). Quyết tâm cải cách của lãnh đạo là động lực quan trọng cho sự thay đổi, trong đó có sự đổi mới tư duy về vai trò của doanh nghiệp tư nhân đối với sự phát triển kinh tế địa phương.

(2). Cải cách từ trên xuống kết hợp chặt chẽ từ dưới lên. Không chỉ là việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo điều hành trong cải cách môi trường kinh doanh, cần tạo điều kiện để phát hiện và nhân rộng các sáng kiến cải cách từ cơ sở.

(3). Cải thiện quan hệ phối hợp giữa các sở, ngành, kịp thời tháo gỡ vướng mắc cho các doanh nghiệp. Điều quan trọng

là cần xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính, đặt doanh nghiệp, nhà đầu tư vào vị trí “trung tâm”, là “khách hàng” trong quá trình cung cấp dịch vụ công, cũng chính là cách hiện thực hóa yêu cầu xây dựng “chính quyền phục vụ” mà Chính phủ đã đặt ra.

(4). Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu của các sở, ngành, huyện thị trong việc tiếp nhận, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

(5). Tăng cường đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp với nhiều hình thức đa dạng. Xây dựng hiệp hội doanh nghiệp mạnh, đóng vai trò “cầu nối” giữa chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp.

(6). Minh bạch hóa thông tin, chủ động cung cấp thông tin cho nhà đầu tư, doanh nghiệp

(7). Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân

(8). Hợp tác tăng cường liên kết vùng, cải thiện môi trường kinh doanh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh khóa XIV trình Đại hội đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

2. Báo cáo thường niên về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019, 2020 của VCCI.

3. Nghị quyết số 19/NQ-CP, ngày 18/3/2014 của Chính phủ về “Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia”.

3. Sổ tay hướng dẫn sử dụng kết quả điều tra chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), VCCI & USAID, năm 2018.

4. Giữ vững thứ hạng 4 chỉ số hành chính quan trọng - Báo Quảng Ninh điện tử (baoquangninh.com.vn)